

# TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN, HẢI VĂN THÁNG VIII NĂM 1993

Ở Bắc Bộ và Trung Bộ, tình hình ít mưa đã gây nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp; đặc biệt ở Bắc Trung Bộ hạn xảy ra nghiêm trọng, ruộng đồng bị nứt nẻ, hồ đập, sông suối bị khô cạn, đây là đợt hạn hiếm thấy trong mấy chục năm gần đây.

Ở Bắc Bộ, sau ngày 20 đã có mưa trên diện rộng, chấm dứt tình hình hạn; còn ở Bắc Trung Bộ tình hình hạn kéo dài đến cuối tháng. Sau đợt mưa lớn do ảnh hưởng của bão số 4, diện tích hạn đã được thu hẹp.

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

### 1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) *Bão số 3: (TASHA 9309)*: chiều tối ngày 18, một cơn bão đã vượt qua vùng biển phía bắc Lu-xông (Phi-líp-pin) vào đông bắc Biển Đông; hồi 19h vị trí trung tâm bão ở vào khoảng 20 độ vĩ bắc, 119 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 10.

Trong quá trình di chuyển, bão đã đổi hướng nhiều lần và cường độ tăng dần. Sáng ngày 21, bão đi vào đất liền phía đông bán đảo Lôi Châu với sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão tới cấp 11, cấp 12; sau đó bão còn tiếp tục đi sâu vào đất liền theo hướng tây tây bắc tới sát vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc (hình 1).

Do ảnh hưởng của bão, ở Bắc Bộ, mưa vừa, mưa to ở nhiều nơi trong hai ngày 22, ngày 23, có nơi mưa rất to chẳng hạn Cửa Ông (Quảng Ninh): 200mm/ngày.

- *Bão số 4 (WINONA 9312)*: chiều tối ngày 23, một ATNĐ (áp thấp nhiệt đới) đã vượt qua quần đảo Phi-líp-pin vào Biển Đông và mạnh lên thành bão. Hồi 19h, vị trí trung tâm bão ở khoảng 12 độ vĩ bắc - 119,2 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm bão mạnh cấp 8.

Bão đã đổi hướng nhiều lần và cường độ mạnh lên một ít. Sức gió mạnh nhất đạt cấp 8, cấp 9.

Ngày 29, bão suy yếu nhanh thành ATNĐ, sau thành một vùng thấp trên vùng biển Quảng Bình, Quảng Trị gây mưa to đến rất to ở khu vực Nghệ An đến Thừa Thiên - Huế. Do ảnh hưởng xa của bão, ở Bắc Bộ có mưa nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, mưa to.

b) *Nắng nóng*: Nhiều nơi thuộc khu vực từ Thanh Hóa đến Bình Định có nhiều ngày nắng nóng, nhiệt độ cao nhất phổ biến từ 37 đến 39°C; một vài nơi thuộc Bắc Bộ có một vài ngày nắng nóng, nhiệt độ cao nhất đạt 36 đến 37°C.

### 2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

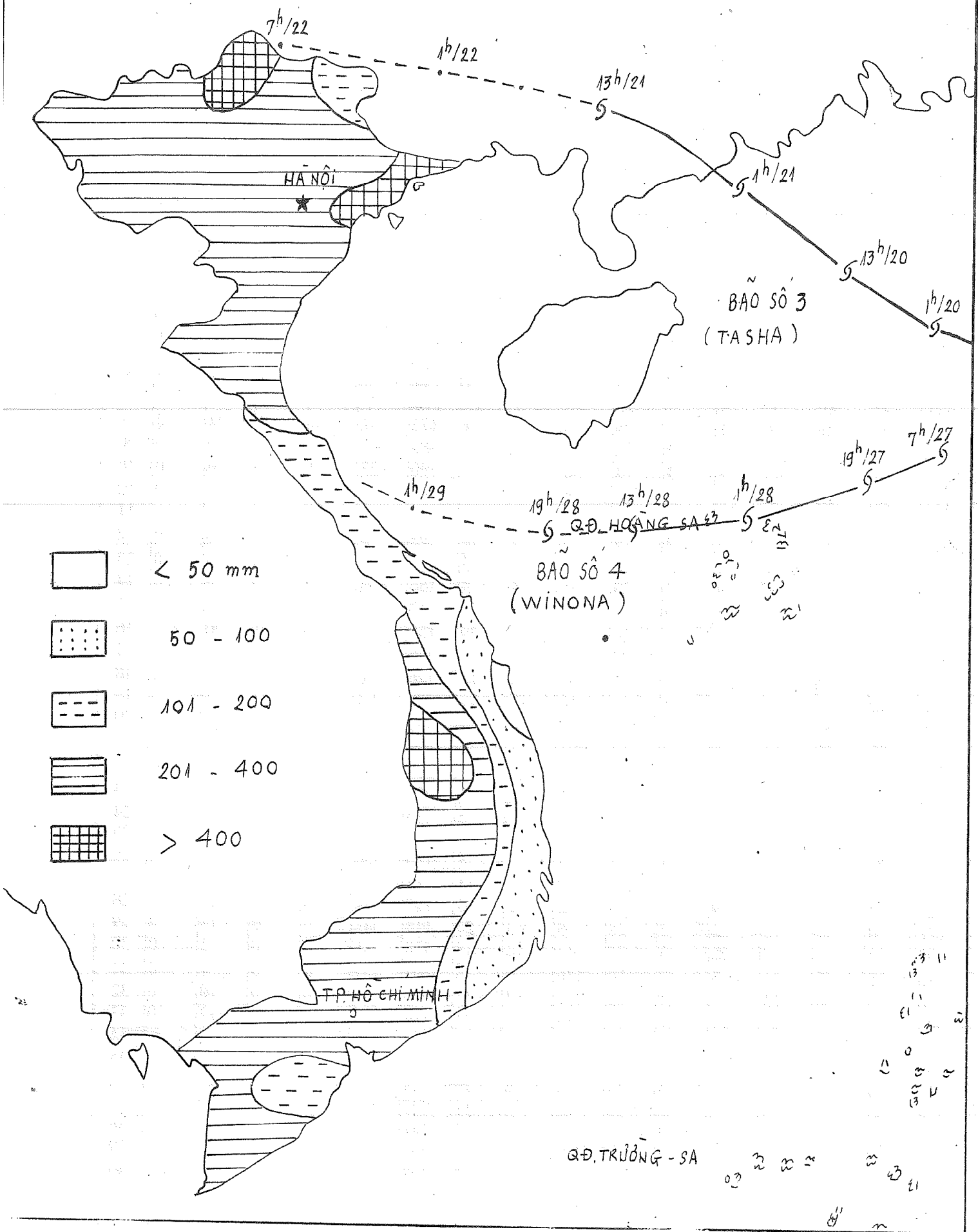
ĐẶC TRƯNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Tuyệt đối	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	26,4	-0,2	31,4	34,5	16	24,1	22,6	29	89	60	29
2	Điện Biên	25,5	+0,1	29,4	32,3	5	23,4	20,4	27	90	66	31
3	Sơn La	24,9	+0,3	29,1	31,9	6	22,4	20,4	28	86	56	28
4	Sa Pa	19,8	+0,3	23,1	25,8	15	18,0	15,0	31	90	59	27
5	Lao Cai	28,0	+0,7	32,9	36,4	21	24,9	22,7	30	87	50	11
6	Yên Bái	28,2	+0,7	33,3	36,2	21	25,1	22,7	30	86	56	11
7	Hà Giang	27,9	+0,3	32,8	35,4	21	25,0	24,0	28	87	55	21
8	Tuyên Quang	28,5	+0,9	33,2	36,2	21	25,7	23,7	30	85	58	15
9	Lạng Sơn	27,1	+0,5	31,9	35,0	10	24,5	22,4	30	85	52	9
10	Cao Bằng	27,3	+0,5	32,4	34,9	1	24,2	21,7	30	82	48	21
11	Thái Nguyên											
12	Bắc Giang	28,7	+0,4	32,4	35,6	10	25,9	23,3	31	86	58	10
13	Phú Thọ	28,3	+0,5	32,9	37,3	11	25,5	21,9	31	87	51	11
14	Hòa Bình	28,4	+0,7	33,0	36,8	5	25,9	24,2	30	87	56	4
15	Hà Nội (Láng)	28,9	+0,7	32,8	36,9	11	26,3	23,0	31	82	56	4
16	Tiên Yên	27,7	+0,4	31,7	35,0	10	25,3	22,8	30	87	57	27
17	Hồng Gai	28,3	+0,6	31,4	34,6	11	25,6	22,3	30	86	63	10
18	Phù Liễu	28,4	+0,7	32,3	36,5	11	25,9	22,7	30	87	54	10
19	Thái Bình	28,7	+0,4	32,2	36,4	11	26,6	23,8	31	88	56	4
20	Nam Định	28,6	+0,0	32,7	37,0	11	26,6	23,7	31	85	53	4
21	Thanh Hóa	28,7	+0,5	33,6	37,7	11	26,5	23,3	31	84	51	10
22	Vinh	29,4	+0,7	33,9	37,7	11	26,2	23,6	29	75	44	6
23	Đồng Hới	30,0	+0,9	34,1	37,4	6	27,5	23,4	29	67	40	12
24	Huế	29,5	+0,6	35,4	38,6	8	25,2	23,4	29	70	60	11
25	Đà Nẵng	29,3	+0,5	34,2	37,5	7	26,6	24,2	29	74	43	7
26	Quảng Ngãi	29,4	+0,6	35,2	38,7	9	25,5	23,5	25	74	39	7
27	Quy Nhơn	30,3	+0,5	35,6	37,7	3	27,5	23,7	1	67	42	3
28	Pơ Lay Cu	21,5	-0,7	25,3	28,7	25	19,8	18,6	25	95	71	24
29	Buôn Mê Thuột	24,0	-0,2	29,4	30,7	8	21,3	20,1	30	89	65	24
30	Đà Lạt	18,0	-0,9	22,0	24,3	24	15,7	14,4	25	90	62	24
31	Nha Trang	28,6	+0,4	33,0	36,2	8	25,5	23,1	29	76	44	7
32	Phan Thiết	27,1	+0,1	31,6	33,6	24	24,9	23,5	13	81	52	17
33	Vũng Tàu	27,4	0,0	31,1	33,8	25	24,7	22,5	1	82	60	25
34	Tây Ninh											
35	T.P Hồ Chí Minh	26,8	-0,3	31,9	33,3	25	24,0	21,7	5	x	x	x
36	Tiền Giang	26,5	-0,3	30,9	32,6	3	23,9	21,9	21	87	62	3
37	Cần Thơ	26,5	-0,2	30,5	32,4	2	24,5	22,7	28	89	62	3
38	Sóc Trăng	26,7	-0,3	30,4	32,0	17	24,2	22,5	29	89	67	2
39	Rạch Giá	27,5	-0,3	29,5	31,1	2	25,5	21,9	10	88	74	28
40	Cà Mau	27,1	+0,1	31,7	33,1	2	24,2	21,8	13	89	58	10

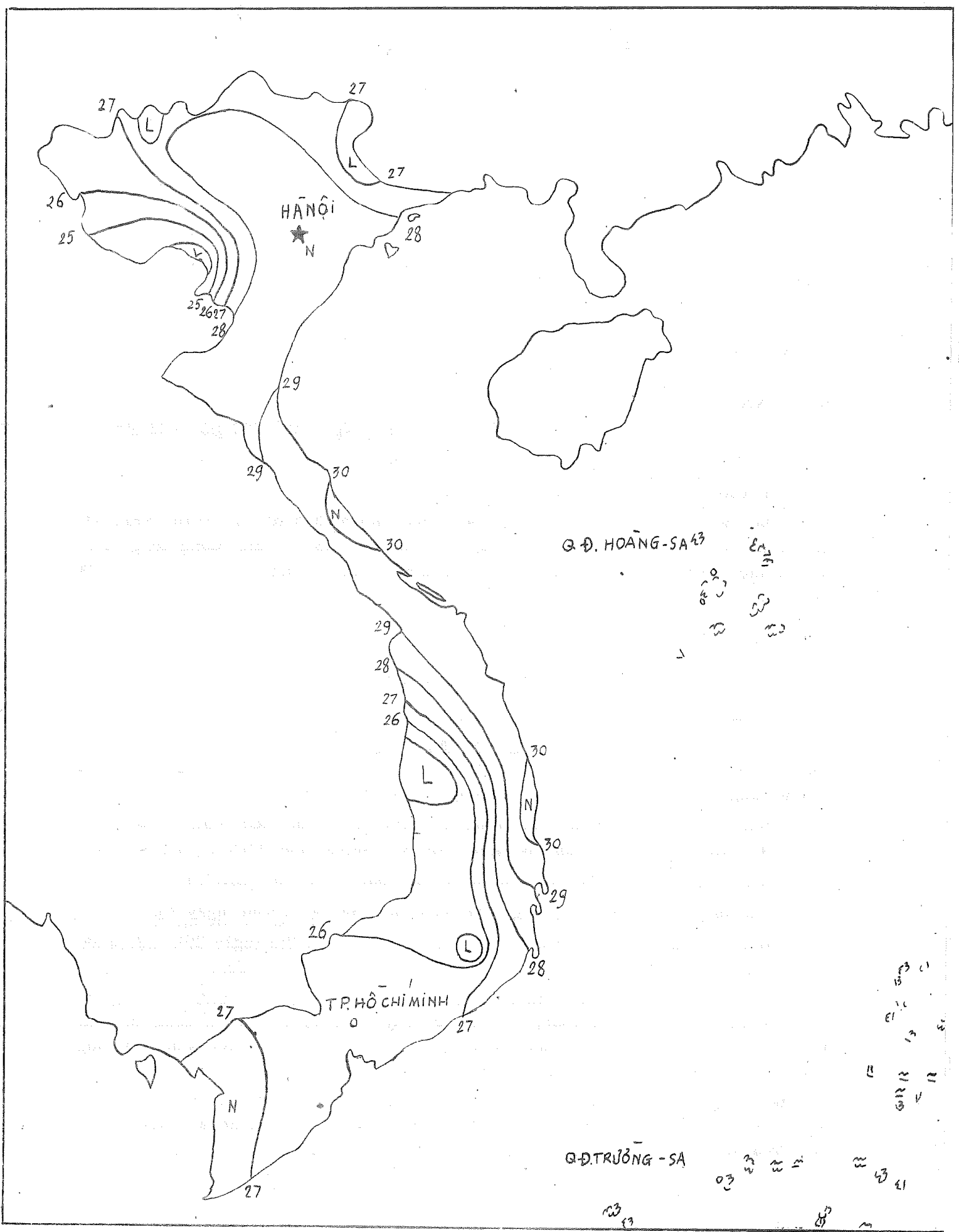
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG VIII NĂM 1993

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa D.nhất							Nhẹ	Mạnh			
372	+1	80	2	11	1	26	39	3	31	123	-28	0	0	11	0	1
396	+50	80	14	8	3	21	56	3	12	101	-44	0	0	7	0	2
308	+28	80	18	9	3	22	54	4	4	110	-47	0	0	15	0	3
363	-115	60	22	8	2	26	40	10	26	93	-21	0	0	7	0	4
307	-23	65	23	5	2	19	63	5	11	145	-23	1	0	14	0	5
391	-9	90	25	6	3	21	90	4	11	176	+3	0	0	20	0	6
518	+97	60	29	11	1	26	66	4	4	172	-2	0	0	24	0	7
306	+2	88	6	5	3	22	79	4	5	189	+7	0	0	20	0	8
219	-36	50	30	8	3	18	86	4	7	190	+23	0	0	16	0	9
117	-90	60	1	5	3	20	76	5	21	191	+5	0	0	19	0	10
																11
313	+9	80	22	9	4	19	73	4	10	193	+4	0		16	0	12
320	-8	70	19	4	3	16	75	4	5	212	+34	1	0	15	0	13
366	+24	90	18	9	2	23	65	4	4	186	+24	0	0	16	0	14
322	+4	60	19	7	4	16	80	5	11	185	+22	0	0	17	0	15
503	+27	150	30	8	6	20	60	5	29	150		0	0	20		16
678	+220	180	30	4	3	22	67	4	21	176	+6	0	0	19	0	17
492	+143	180	30	8	3	20	61	4	11	176	+10	1	0	20	0	18
200	-142	40	31	3	3	16	45	7	11	178	+4	0	0	8	0	19
298	-27	50	31	6	3	17	77	5	10	175	+1	2	0	8	0	20
207	-71	34	30	8	5	17	107	7	11	202	+35	3	0	12	0	21
312	+124	220	29	3	7	12	162	12	11	229	+62	12	1	8	0	22
133	-7	100	29	2	13	6	247	14	11	207	+31	11	3	4	0	23
115	+11	60	29	4	9	10	174	10	15	195	-6	18	5	7	0	24
71	-32	22	30	4	14	7	121	7	22	199	-8	12	2	7	0	25
26	-96	10	30	3	4	13	113	5	9	198	-36	11	5	9	0	26
78	+19	40	31	3	11	9	189	10	11	211	-22	19	1	5	0	27
520	+27	90	13	19	1	28	32	2	3	117	-1	0	0	15	0	28
271	-50	40	12	22	2	28	48	3	20	115	-47	0	0	17	0	29
109	-92	10	9	25	3	27	47	2	19	138	-6	0	0	2	0	30
86	+35	60	31	3	7	10	136	6	8	203	-37	0	0	4	0	31
96	-79	30	13	8	4	22	137	7	24	190	-6	0	0	10	0	32
443	+265	110	28	11	4	22	94	5	21	196	-2	0	0	12	0	33
																34
294	+24	84	3	10	3	21	x	x	x	x	x	0	0	3	0	35
213	+51	40	30	9	5	19	84	6	17	x	x	0	0	17	0	36
174	-43	33	9	8	2	20	62	3	11	147	-32	0	0	8	0	37
200	-66	40	13	7	3	20	59	3	2	161	+3	0	0	11	0	38
268	-62	50	9	9	4	19	100	5	8	154	-8	0	0	16	0	39
316	-33	80	13	6	4	24	63	3	2	148	-2	0	0	13	0	40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng VI năm 1993



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng VII năm 1993

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Hương Khê (Hà Tĩnh): 39,3°C xảy ra ngày 6.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Đà Lạt (Lâm Đồng): 14,4°C xảy ra ngày 25.

### 3. Tình hình mưa

Một số nơi trên phạm vi cả nước có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn hầu hết có lượng mưa tháng thấp hơn hoặc xấp xỉ TBNN.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là thị xã Hồng Gai (Quảng Ninh): 678mm (+220mm).

Nơi có lượng mưa tháng thấp nhất là Quảng Ngãi: 26mm (-96mm).

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là thành phố Vinh (Nghệ An): 220mm/ngày 29.

### 4. Số giờ nắng

Hầu hết các nơi các nơi thuộc phía đông Bắc Bộ và khu IV cũ có số giờ nắng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số ngày nắng cao nhất là thành phố Vinh (Nghệ An): 229 giờ (+62 giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Đắc Nông (Đắc Lắc): 80 giờ.

### Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở Bắc Bộ, nửa cuối tháng có mưa, kết thúc tình hình hạn kéo dài từ tháng VI, lúa và hoa màu phát triển tốt. Ở Trung Bộ, tình hình hạn kéo dài, ruộng đồng, sông suối bị khô cạn đến tận cuối tháng; sau đợt mưa do ảnh hưởng của bão số 4, hạn đã chấm dứt.

## II. TÌNH HÌNH THỦY VĂN

### 1. Ở Bắc Bộ

Trên hệ thống sông Hồng, trong nửa đầu tháng mực nước các sông có dao động nhỏ và ở mức thấp; vào nửa cuối tháng trên các sông đã xuất hiện những đợt lũ vừa và nhỏ song nhìn chung mực nước các sông ở mức bình thường.

- Trên sông Đà, lưu lượng lưu lượng lũ lớn nhất đến hồ Hòa Bình là 8600m<sup>3</sup>/s (ngày 24). Lưu lượng trung bình tháng là 4840m<sup>3</sup>/s, xấp xỉ mức TBNN cùng thời kỳ.

- Trên sông Thao tại Yên Bái, mực nước cao nhất là 30,35m (ngày 24).

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang, mực nước cao nhất là 22,88m (ngày 25).

- Trên sông Hồng tại Hà Nội, mực nước cao nhất là 9,62m (ngày 26); mực nước trung bình tháng là 8,18m, thấp hơn mức TBNN cùng thời kỳ là 62cm.

- Trên hệ thống sông Thái Bình, trong 20 ngày đầu tháng mực nước các sông chỉ có dao động nhỏ và ở mức thấp, vào những ngày cuối tháng trên các sông đã xuất hiện một đợt lũ khá lớn, mực nước các sông lên cao, nhiều nơi lên trên mức báo động II, có nơi lên trên mức báo động III.

Trên sông Lục Nam, tại Lục Nam, mực nước cao nhất là 5,83m (trên mức báo động III), (ngày 23). Trên sông Cầu tại Đáp Cầu, mực nước cao nhất là: 5,37m (ngày 24). Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương, mực nước cao nhất là 5,57m (ngày 24).

Trên sông Thái Bình tại Phả Lại, mực nước cao nhất là 4,86m (trên mức báo

động II là 36cm) (ngày 24).

## 2. Ở Trung Bộ

Do nắng nóng tiếp tục kéo dài, lượng dòng chảy trên các sông suối thiếu hụt rất nhiều so với nước TBNN cùng thời kỳ. Mực nước trong các hồ chứa xuống rất thấp, nhiều nơi khô cạn, nạn hạn hán đã xảy ra nghiêm trọng trên diện rộng. Do nước nguồn ít, mực nước hạ lưu xuống thấp, nước mặn đã xâm nhập rất sâu vào nội địa, gây ảnh hưởng lớn đến mùa màng, sinh hoạt và đời sống của nhân dân trong vùng.

Vào những ngày cuối tháng, do ảnh hưởng của cơn bão số 4, trên các tỉnh ở Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ đã có mưa, mực nước trên các sông từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên - Huế lên một ít, song nhìn chung còn ở mức bình thường. Mực nước các sông từ Quảng Nam - Đà Nẵng trở vào còn ở mức thấp, hạ lưu chịu ảnh hưởng thủy triều.

Mực nước cao nhất tại một số vị trí như sau:

Trên sông Mã tại Giàng: 2,57m (ngày 31).

Trên sông Cả tại Nam Đàn: 4,77m (ngày 30).

Trên sông Hương tại Huế: 1,14m (ngày 31).

## 3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Cửu Long lên chậm và còn ở mức bình thường. Mực nước cao nhất tháng VIII-1993 trên sông Tiền tại Tân Châu là 3,11m (ngày 24). Trên sông Hậu tại Châu Đốc là 2,44m (ngày 30), đều ở mức thấp hơn TBNN cùng thời kỳ.

# III. TÌNH HÌNH HẢI VẠN

## 1. Gió và sóng

- Vùng biển phía Bắc: hướng gió chủ yếu là đông-nam và nam, ven bờ tốc độ gió trung bình là 5-6m/s (cấp 4). Ngoài khơi, gió mạnh nhất 15 - 20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông-nam và nam, ven bờ độ cao sóng trung bình 0,5-0,75m (cấp II); ngoài khơi sóng cao nhất 3-3,5m (cấp V).

- Vùng biển phía Nam: hướng gió chủ yếu là tây-nam, ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 15 - 20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là tây-nam, ven bờ độ cao sóng trung bình 0,5 - 0,75m (cấp II). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3 - 4m (cấp V, cấp VI).

## 2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía Bắc: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 30-31°C, cao nhất 33-34°C, thấp nhất 28 - 29°C.

- Vùng biển phía Nam: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28-29°C, cao nhất 30-31°C, thấp nhất 26-27°C.

## 3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía Bắc: độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 27-28‰, cao nhất 29-30‰, thấp nhất 25-26‰.

- Vùng biển phía Nam: độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 31-32‰, cao nhất 33-34‰, thấp nhất 29-30‰.